| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NĂM CĂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2020
V/v "ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Minh Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Như Học;

Bà Phan Thị Trang Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1969 (có đơn vắng mặt).

*Bị đơn:* Bà Tạ Thị T, sinh năm 1969 (có đơn vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ông N, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn H trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Năm 1994, ông và bà T quen biết và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tiền bạc, cuộc sống gặp nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nên hôn nhân không hạnh phúc. Do công việc làm ăn phải đi làm xa nên vợ chồng thường xuyên không sống chung từ năm 2010 đến nay, mỗi người đều lo cho bản thân mà không chăm lo cho gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay tình cảm không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên ông H yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 người con tên Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1995 (Nữ) và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 2000 (Nữ). Hai con đã trưởng thành, có gia đình sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 05 tháng 3 năm 2020 bị đơn - bà Tạ Thị T trình bày:*

Năm 1994, bà và ông H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm mọi mặt cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm mất hạnh phúc. Vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2010 do ai cũng lo cho việc làm bản thân, không chăm lo cho nhau. Nay ông Hóa yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý do không còn hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 người con tên Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1995 (Nữ) và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 2000 (Nữ). Hai con đã trưởng thành, có gia đình sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông H và bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Đặng Văn H khởi kiện Tòa án yêu cầu ly hôn với bà Tạ Thị T, thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà T có nơi cư trú tại Ấp Ông N, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông H và bà T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1994, ông H và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Hai đương sự đều cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về tiền bạc, cuộc sống khó khăn do nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Do tình cảm không còn nên ông H yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Ông H và bà T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 người con tên Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1995 (Nữ) và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 2000 (Nữ). Hai con đã trưởng thành, có gia đình sống riêng, hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng ông Đặng Văn H phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp;

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39;khoản 4 Điều 147;khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Văn H và bà Tạ Thị T.

2. Về con chung: Có 02 người con tên Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1995 (Nữ) và Đặng Thị Cẩm N, sinh năm 2000 (Nữ) đã trưởng thành. Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng ông H phải chịu, ông có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006973 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".*

5. Kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Khánh**